

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
Quyền sử dụng đất ở tại xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân xã Hà Trung - Địa chỉ: Thôn 6, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tên tài sản, nơi có tài sản đấu giá:

* Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Gồm: 51 lô đất (Lô số 02, từ lô số 121 đến lô số 133, từ lô số 237 đến lô số 248, từ lô số 368 đến lô số 386, từ lô số 417 đến lô số 419, từ lô số 425 đến lô số 427) tại Mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn Kim Hưng - Kim Phát, xã Hà Đông, huyện Hà Trung (nay là xã Hà Trung), tỉnh Thanh Hoá.

- Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá: 10.222,93 m².

- Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

* Giấy tờ về tài sản đấu giá: Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND xã Hà Trung về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở hộ gia đình, cá nhân tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung (nay là xã Hà Trung).

* Nơi có tài sản đấu giá: Mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn Kim Hưng - Kim Phát, xã Hà Đông, huyện Hà Trung (nay là xã Hà Trung), tỉnh Thanh Hoá.

3. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiền đặt trước:

- Giá khởi điểm: 5.000.000 đồng/m².

- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/1 hồ sơ.

- Tiền đặt trước: Từ 173.400.000 đồng/1 hồ sơ đến 207.000.000 đồng/1 hồ sơ.

4. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trong giờ hành chính tại:

- Ủy ban nhân dân xã Hà Trung từ ngày 18/11/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 08/12/2025.



- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa từ ngày 18/11/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 09/12/2025.

b) Thời gian nộp tiền đặt trước:

* Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 18/11/2025 đến 18 giờ 00 phút ngày 09/12/2025.

Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa số: 68689 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa (Vietbank).

c) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa theo đúng thời gian và địa điểm;

- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa và bản sao Căn cước công dân kèm theo;

- Khi tham gia phiên đấu giá phải có Căn cước công dân bản chính. Nếu ủy quyền thì phải có văn bản Ủy quyền theo quy định của pháp luật;

- Tự ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu trả giá (mẫu Phiếu trả giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành).

5. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

- Bắt đầu 08 giờ 00 phút ngày 12/12/2025 tại Hội trường UBND xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại phiên đấu giá.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

7. Bước giá: 1%, là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau sao với lần trả giá trước liền kề.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá, ĐT: 0237 3859453./.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải thông báo này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Đăng Báo Thanh Hoá (18/11/2025);
- Đăng Cổng TTĐT Quốc gia về ĐGTS (18/11/2025 và 21/11/2025);
- Đăng Cổng TTĐT UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, HS.



Mai Văn Đông



Phụ lục
Giá khởi điểm, tiền đặt trước và tiền bán hồ sơ để đấu giá quyền sử dụng đất tại
xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

STT	Lô số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Tổng số tiền lô đất (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng/lô)
1	2	175,53	5.000.000	877.650.000	175.530.000	100.000
2	121	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
3	122	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
4	123	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
5	124	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
6	125	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
7	126	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
8	127	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
9	128	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
10	129	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
11	130	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
12	131	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
13	132	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
14	133	198	5.000.000	990.000.000	198.000.000	100.000
15	237	200	5.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000
16	238	200	5.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000
17	239	200	5.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000
18	240	200	5.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000
19	241	200	5.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000
20	242	200	5.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000
21	243	200	5.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000
22	244	200	5.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000
23	245	175	5.000.000	875.000.000	175.000.000	100.000
24	246	175	5.000.000	875.000.000	175.000.000	100.000
25	247	175	5.000.000	875.000.000	175.000.000	100.000
26	248	173,4	5.000.000	867.000.000	173.400.000	100.000
27	368	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
28	369	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000

29	370	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
30	371	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
31	372	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
32	373	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
33	374	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
34	375	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
35	376	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
36	377	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
37	378	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
38	379	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
39	380	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
40	381	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
41	382	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
42	383	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
43	384	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
44	385	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
45	386	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
46	417	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
47	418	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
48	419	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
49	425	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
50	426	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
51	427	207	5.000.000	1.035.000.000	207.000.000	200.000
Cộng tổng				51.114.650.000	10.222.930.000	